

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2021/HS-PT
Ngày: 27/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sáu

Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy

Ông Lê Thanh Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 231/2021/HSPT ngày 20/9/2021 đối với bị cáo Nguyễn Khắc Ng + đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 11/8/2021 của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Khắc Ng (tên gọi khác: Ng Cố) - Sinh năm: 1984;

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, phường Q, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc Thắng (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Đinh Thị Hường - nghề nghiệp: Giáo viên và 02 con, con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 28/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (tại Bản án HSST số 38). Ngày 26/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (tại bản án HSPT số 185), nộp án phí HSST ngày 12/12/2017; Ngày 30/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” phạm tội ngày 21/4/2017 (tại Bản án HSST số 76). Tổng hợp với 30 tháng tù của Bản án HSPT số 185 ngày 26/9/2017 buộc Ng phải chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2020. Đang bị tạm giam từ ngày 10/9/2020 Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

2. Nguyễn Văn Th (tên gọi khác: Th Điều) - Sinh năm: 1991;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thực và bà Vương Thị Điều; có vợ là Nguyễn Thị Thắm và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, giam từ ngày 26/8/2020 đến ngày 27/01/2021 – bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Phạm Văn Q - Sinh năm: 1998

Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn G, xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tuyền và bà Nguyễn Thị Nên; có vợ là Nguyễn Thị Huyền Trang và 01 con; tiền án, tiền sự: Không – bị cáo tại ngoại, có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo, kháng nghị:

1. Lê Huy L (tên gọi khác: L Bảy) - Sinh năm: 1990;

Nơi ĐKNKTT: Thôn G, xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Huy Bảy và bà Trương Thị Vụ; có vợ là Nguyễn Thị Khích và 02 con; tiền sự: Không; Tiền án: ngày 28/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” (tại Bản án HSST số 38). Ngày 26/9/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” (tại Bản án HSPT số 185). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2019; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, đến ngày 09/10/2021 đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong (Theo quyết định thi hành án phạt tù số 235/2021/QĐ-CA ngày 13/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương) - Vắng mặt.

2. Đàm Lê B (tên gọi khác: B Hợi) - Sinh năm: 1984;

Nơi ĐKNKTT: phường V, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Lê Hùng và bà Phạm Thị Hợi; vợ con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: - Ngày 16/9/2005 Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” (Tại Bản án HSST số 12); - Ngày 22/5/2007 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” phạm tội ngày 28/8/2006 (tại Bản án HSST số 130). Tổng hợp với 18 tháng tù của Bản án HSST số 12 ngày 16/9/2005 buộc B phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 06 tháng tù; - Tại bản án HSPT số 121 ngày 26/9/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tuyên không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên hình phạt 09 năm tù giam về

tội: “Cướp tài sản” của bản án sơ thẩm số 32/2007/HSST ngày 04/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương. Ngày 29/4/2020 đã chấp hành xong Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/QĐ-THBA ngày 23/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/11/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, đến ngày 09/10/2021 đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong (Theo quyết định thi hành án phạt tù số 237/2021/QĐ-CA ngày 13/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương) - Vắng mặt.

3. Nguyễn Trọng H - Sinh năm: 2001;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn G, xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Tường và bà Lê Thị Hồng; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

*** Người bị hại:** Anh Hoàng Ngọc T - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã Ợp, huyện X, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02/2020 anh Hoàng Ng T có thỏa thuận vay của Lê Huy L số tiền 66.000.000đ (*Sáu mươi sáu triệu đồng*). Khi vay hai bên không viết giấy tờ vay mượn và không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn không thấy anh T trả tiền nên L tính thêm 24.000.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi anh T nợ L là 90.000.000đ. L đã nhiều lần tìm anh T để đòi nợ nhưng không gặp. Nhiều lần L còn rủ thêm Nguyễn Văn Th, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Khắc Ng cùng đến nhà T đòi nợ nhưng đều không gặp anh T.

Khoảng 23 giờ ngày 25/8/2020, sau khi uống rượu tại nhà bạn ở huyện Nông Cống, Nguyễn Khắc Ng điều khiển xe ô tô của Ng (xe hiệu Hyundai Elantra màu vàng đồng) BKS: 36A-414.50 chở Đàm Lê B ngồi ghế phụ phía trước, Lê Huy L, Nguyễn Văn Th ngồi ghế sau đi về. Trên đường về, do biết thông tin anh T đang có mặt ở nhà và biết anh T nợ tiền của L chưa trả nên Th nói với L, Ng, B “thằng T mắ về rồi, đang ở nhà”. Nghe Th nói vậy, trên xe có người nói (nhưng không xác định được là ai) “Bây giờ đi xe ô tô đến nhà nó đòi nợ luôn”. Sau đó L gọi điện thoại cho Nguyễn Trọng H bảo H đến nhà L lấy 02 con dao tự chế, dài khoảng 50-60cm, cán dao và vỏ bọc lưỡi dao bằng gỗ để ở góc sân nhà L đem đến cầu Ngọc Lẫm, xã

Quảng Phúc để đi công việc với L. H đồng ý và gọi điện cho Phạm Văn Q (ở cùng thôn) nói: “Chạy vào nhà em đi công việc”. Q điều khiển xe mô tô Wave Anphal màu đỏ (không xác định BKS) chở H đến nhà L lấy 02 con dao rồi cả H đi đến cầu Ng Lầm, một lúc sau xe ô tô của Ng đi đến. Gặp nhau, L nói với Q và H “thằng T mắmm đang ở nhà, bây giờ đến bắt nó trả nợ”. Nghe L nói như vậy Q và H đồng ý đi cùng. Ng bảo L ngồi xe ô tô để cùng đến nhà T nhưng L bảo Ng đi trước đến nhà T bằng ô tô, còn L đi xe máy với Q và H. Lúc này trên xe ô tô còn Ng, Th và B nên Th nói Ng chở Th về nhà Th để lấy xe máy đi đến nhà anh T. Do xe của Q sắp hết xăng nên cả ba đi xe về nhà L để xe của Q lại. L lấy chiếc xe mô tô hiệu Vision màu trắng BKS: 36B6-207.41 của chị Nguyễn Thị Khích (vợ L) chở Q và H đem theo 02 con dao quay lại nhà anh T.

Khi Ng chở Th về nhà, do Th đã biết nhà T vì trước đó đã cùng L đến nhà anh T đòi nợ nên Th bảo Ng đi đến nhà T trước, Th điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu trắng BKS: 36R6 - 1206 một mình đi sau. Khi Th đi đến đầu đường vào nhà anh T thì gặp L, Q và H đang đứng chờ; L nói với cả nhóm “đi vào nhà bắt nó”. Nghe vậy Th nói mỗi xe đi một hướng vào nhà T để phòng T bỏ chạy. L bảo Q sang xe Th, Q đưa cho L 01 dao, Q cầm 01 dao. Sau đó Th điều khiển xe Sirius chở Q cầm theo 01 con dao đi vòng theo hướng Bắc đến nhà anh T, khi gần đến nơi Th nháy đèn pha xe mô tô ra hiệu cho L đi từ hướng Nam lại rồi dừng xe cách cổng nhà anh T khoảng 10m về phía bắc. Quan sát thấy Th nháy đèn xe; L điều khiển xe Vision chở H cầm theo 01 con dao đi đến dừng xe cách cổng nhà anh T khoảng 10m về phía Nam. L, Th, Q và H đi bộ lại cổng nhà anh T thì thấy cửa cổng khóa. Q đưa dao cho Th, sau đó L và Th mỗi người cầm theo 01 con dao trèo qua tường rào vào bên trong. Th đứng ngoài sân còn L đi vào gian phòng ngủ, phòng ngủ không đóng cửa của vợ chồng anh T bật điện sáng. Thấy có người vào và bật điện nên anh Hoàng Ng T và vợ là Nguyễn Thị Hương thức dậy. Thấy L cầm dao đứng cạnh giường, chị Hương hoảng sợ la hét bế con nhỏ bỏ chạy ra ngoài. L chửi anh T “*con chó này, hôm nay mày có chạy được nữa không*”. Anh T bước xuống giường, L một tay cầm dao kề vào cổ anh T, một tay túm tóc anh T kéo ra ngoài sân, H đứng bên ngoài cổng nhìn thấy điện sáng và nghe tiếng la hét nên cũng trèo vào và chạy lại túm giữ tay anh T còn Q vẫn đứng bên ngoài cổng.

Nghe tiếng chị Hương la hét bố mẹ anh T là ông Hoàng Ngọc Tấn - sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị Thành - sinh năm 1963 từ gian nhà trên chạy xuống, L bảo ông Tấn lấy chìa khóa mở cửa cổng. Do hoảng sợ ông Tấn không mở được cửa, Q đang đứng bên ngoài bảo ông Tấn đưa chìa khóa cho mình mở cửa cổng. Sau đó L, H, Th đưa anh T ra ngoài. Cùng lúc này Ng điều khiển xe ô tô chở B từ hướng Nam đến dừng cách cổng nhà anh T khoảng 50m bên phía Nam. L, Th, Q và H đưa anh T đi lại xe ô tô của Ng. Nhìn thấy anh T, Ng xuống xe đi lại nói “*a thằng em, lâu rồi không gặp*”, và dùng tay tát 2-3 cái vào mặt anh T, đồng thời bảo L và Th đưa anh T lên xe ô tô. Sau đó Ng điều khiển xe ô tô B ngồi ở ghế phụ phía trước, anh T ngồi ở

ghế sau, L và Th ngồi H bên giữ anh T, Q điều khiển xe mô tô Sirius; H điều khiển xe mô tô Vision đi theo sau. Th bảo Ng đưa T đến chợ Trôi (xã Quảng Văn). Cả nhóm đưa anh T sang xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương; khi đến chợ Trôi; Ng điều khiển xe vào phía trong chợ và cùng với B, L bắt anh T xuống xe đồng thời đánh anh T vừa đánh vừa chửi bới T về việc nợ tiền không trả. Ng dùng tay chân và vỏ dao bằng gỗ đánh anh T; B đánh anh T bằng tay chân và bề mặt lưỡi dao; L dùng tay chân đánh anh T; còn Th, Q và H đứng bên cạnh. Trong khi đánh anh T, Ng bắt anh T gọi điện cho người thân đem tiền đến trả nợ thì cho về. Ng bảo L đưa điện thoại cho T gọi về nhà. Do bị đánh nên anh T nhiều lần dùng điện thoại của L gọi điện cho ông Tấn, bà Thành và chị Hương (là bố, mẹ và vợ của anh T) trả tiền cho L. Sau đó L bảo Th đến nhà anh T thu điện thoại của người nhà anh T đồng thời giám sát không cho báo cáo cơ quan Công an và nếu gia đình anh T đưa tiền thì Th cầm về. Nghe L nói vậy Th đồng ý rủ H đi cùng. Th điều khiển xe Sirius chở H đi đến nhà anh T. Khi cách cổng nhà anh T khoảng 10m về phía Nam, Th dừng xe dặn H ở ngoài cánh giới rồi đi bộ một mình vào nhà anh T. Nhìn thấy ông Tấn, bà Thành, chị Hương và chị Hoàng Thị Minh - sinh năm 1981 ở thôn Yên Hưng, xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương (chị gái anh T) đang ngồi ở bàn uống nước ngoài sân; Th đi lại bảo gia đình anh T đưa điện thoại cho Th, tuy nhiên không có ai đưa nên Th ngồi lại giám sát.

Cùng lúc này tại chợ Trôi xã Quảng Văn, do phát hiện Công an xã Quảng Văn đi ô tô tuần tra đến; sợ bị phát hiện nên L bảo Ng, B, Q đưa anh T đến đoạn đường vắng gần cổng làng Hòa Đạt xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương; L đi xe mô tô phía trước dẫn đường còn Ng điều khiển xe ô tô chở B, Q và anh T đi theo sau. Khi đến đoạn đường gần cổng làng Hòa Đạt xã Quảng Hòa, Quảng Xương; Ng, L, B và Q bắt anh T xuống xe rồi Ng, L, B tiếp tục dùng tay chân đánh T và bắt anh T tiếp tục gọi điện về cho gia đình; do bị đánh anh T tiếp tục dùng điện thoại của L gọi điện cho gia đình.

Trong quá trình giám sát nhà anh T, Th thấy anh T nhiều lần gọi điện về cho người thân khóc nói đang bị đánh và bảo người thân đem tiền đến trả nợ. Do không thấy gia đình anh T đưa tiền nên Th gọi điện cho L thì được L bảo quay về cổng làng Hòa Đạt xã Quảng Hòa. Sau khi Th và H quay lại cổng Hòa Đạt khoảng 5-10 phút, L tiếp tục bảo Th quay lại nhà anh T giám sát đề phòng không cho người nhà anh T báo cáo cơ quan Công an và cầm tiền nếu gia đình anh T đưa; Th đồng ý và điều khiển xe mô tô Vision chở H quay lại nhà anh T.

Cùng lúc này do có tiếng chó sủa; sợ bị người dân phát hiện nên L, Ng, B, Q tiếp tục bắt anh T lên xe ô tô và đưa đến đoạn đường vắng rìa bờ sông gần cầu Chảo, xã Quảng Hòa. Đến nơi L, Ng, B bắt T xuống xe tiếp tục đánh và bắt gọi điện về yêu cầu người thân trả nợ thì mới cho anh T về; anh T tiếp tục dùng điện thoại của L gọi điện bảo gia đình trả nợ.

Sau khi quay lại nhà anh T; Th dừng xe phía ngoài, H ngồi ngoài xe chờ còn Th đi một mình vào ngồi tại bàn uống nước giám sát ông Tấn, bà Thành, chị Hương, chị Minh; lúc này chị Minh hỏi Th về số tiền T nợ, Th bảo anh T nợ 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), nếu gia đình trả tiền thì anh T mới được thả về. Chờ khoảng 30 phút không thấy ai đưa tiền; Th gọi điện thông báo cho L và điều khiển xe chở H quay về cầu Chàو xã Quảng Hòa gặp nhóm L. Sau đó L bảo Th quay lại chợ Trôi để chờ gia đình anh T đem tiền đến, Th đồng ý rồi điều khiển xe Vision chở H quay lại chợ Trôi đứng chờ.

Đến khoảng 4 giờ ngày 26/8/2020 không thấy gia đình anh T trả tiền và do nghi ngờ gia đình anh T báo cáo cơ quan Công an nên L điều khiển xe mô tô Sirius chở anh T và Q đi đến cách nhà T khoảng 300m thì dừng lại bảo anh T xuống xe đi bộ về còn L và Q đi về nhà L; Ng cũng điều khiển xe ô tô chở B đi về. Do không thấy ai đem tiền đến nên Th đi bộ về nhà Th còn H điều khiển xe mô tô Vision về nhà L thì thấy L và Q cũng về đến nơi; L vào nhà ngủ còn Q và H cũng đi về.

Trong quá trình bắt giữ anh Hoàng Ng T trong khoảng thời gian từ 00 giờ 15 phút đến 04 giờ ngày 26/8/2020 và đưa anh T từ nhà anh T đến chợ Trôi; cổng làng Hòa Đạt và cầu Chàو xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương để yêu cầu gia đình anh T đem tiền đến trả; quá trình điều tra xác định chỉ Lê Huy L, Nguyễn Khắc Ng, Đàm Lê B trực tiếp đánh anh T còn Nguyễn Văn Th, Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q không tham gia đánh anh T. Trong đó Lê Huy L, Nguyễn Khắc Ng, Đàm Lê B đã dùng vũ dao, lưỡi dao và tay chân đánh anh T gây nên các vết thương xây xước da, bầm tím, tấy đỏ ở các vùng vai, cổ, tai, ngực và tay anh T. Sau khi bị thương anh T phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương từ ngày 26/8/2020 đến ngày 27/8/2020 thì xuất viện về nhà. Tuy nhiên do chỉ bị thương tích nhẹ nên anh Hoàng Ng T không yêu cầu đề nghị Cơ quan điều tra giải quyết và đã có đơn từ chối giám định thương tích.

Quá trình điều tra Lê Huy L, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Q, Nguyễn Trọng H đã thành khẩn k H nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Riêng Nguyễn Khắc Ng và Đàm Lê B trong quá trình điều tra chỉ k H nhận một phần hành vi phạm tội của bản thân và đồng bọn. Nguyễn Khắc Ng chỉ k H nhận: Ng dùng xe ô tô của mình chở đồng bọn bắt anh T đến chợ Trôi xã Quảng Văn, cổng làng Hòa Đạt và cầu Chàو xã Quảng Hòa; tại cầu Chàو xã Quảng Hòa; Ng dùng tay đánh anh T ngoài ra các hành vi khác Ng không thừa nhận. Đối với Đàm Lê B k H nhận: B biết anh T bị đồng bọn bắt để đòi nợ và chỉ dùng tay chân đánh anh T tại chợ Trôi xã Quảng Văn, ngoài ra các hành vi khác B không thừa nhận. Tuy nhiên căn cứ tài liệu, chứng cứ điều tra; Lời k H, bản tự k H của các bị can Lê Huy L, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q và bị hại Hoàng Ng T có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Khắc Ng và Đàm Lê B tham gia trong vụ án với vai trò tích cực như đã nêu trên.

Đối với chiếc xe ô tô Hyundai Elantra màu vàng đồng BKS: 36A-414.50 Nguyễn Khắc Ng sử dụng làm phương tiện bắt cóc anh T ngày 26/8/2020, quá trình điều tra xác định là xe ô tô Ng mua lại của anh Hồ Như Cường (sinh năm 1995 ở khu 12, P. Bắc Sơn, TX. Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa) nhưng chưa làm thủ tục đăng ký lại; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Ng k H đã đem bán chiếc ô tô trên cho một gara không rõ địa chỉ trên địa bàn TP.Hà Nội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã ra thông báo truy tìm vật chứng trên địa bàn toàn quốc nhưng chưa truy tìm được.

Xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 36B6-207.41, Lê Huy L và các bị can sử dụng trong quá trình bắt anh T, quá trình điều tra xác định là xe của chị Nguyễn Thị Khích - sinh năm 1992 (vợ L); chiếc xe này là tài sản chị Khích mua năm 2017 trong thời gian L đang đi chấp hành án phạt tù, đăng ký mang tên chị Khích; chị Khích không biết L về nhà lấy xe khi nào và sử dụng vào mục đích gì. Do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô này.

Chiếc xe mô tô hiệu Wave Anphal màu đỏ Phạm Văn Q sử dụng chở H đến gặp L tại cầu Ng Lầm, quá trình điều tra xác định là xe Q mượn của anh Nguyễn Văn Sỹ (sinh năm 1992 ở thôn Văn Giáo, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương); anh Sỹ không biết Q mượn xe sử dụng vào mục đích gì, chiếc xe này anh Sỹ mua lại vào khoảng cuối tháng 5/2020 của một nam thanh niên không quen biết đến ngày 28/8/2020 anh Sỹ đã bán chiếc xe này cho một cửa hàng mua bán xe trên TP.Thanh Hóa; anh Sỹ không nhớ biển số xe và địa chỉ cửa hàng mua bán xe. Do đó Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô này.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sirius BKS: 36R6-1026 của Nguyễn Văn Th, qua xác minh đây là xe Th mua lại của anh Phạm Văn Quý (sinh năm 1990 ở thôn Đại Đồng, xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương) nhưng chưa làm thủ tục đăng ký lại, xe không có trong dữ liệu xe máy vật chứng; quá trình điều tra xác định đây là công cụ phương tiện Nguyễn Văn Th sử dụng bắt cóc anh T, nên cần tịch thu phát mãi xung công quỹ nhà nước đối với chiếc xe trên.

Cơ quan điều tra cũng đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 màu đen (model A1778 FCCID BCG-E3091A IC579C-E3091A), điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, màn hình cảm ứng, mặt sau có ghi chữ (model A1784 FCCID BCG-E3092A IC579C-E3092A), điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen, bàn phím trần đã qua sử dụng của Lê Huy L. Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu ghi sáng, số seri C39QFE82GRWX, máy đã cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Th. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Huy L, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu. Đối với 2 điện

thoại di động (điện thoại di động Iphone 7 màu đen, điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen, bàn phím trần) Lê Huy L sử dụng liên lạc với đồng bọn và đưa cho anh T gọi điện về nhà). Điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu ghi sáng, Nguyễn Văn Th sử dụng để liên lạc với đồng bọn. Đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mãi xung công quỹ nhà nước đối với 3 chiếc điện thoại trên.

Quá trình điều tra cũng xác định Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q có sử dụng điện thoại liên lạc trong quá trình phạm tội. Tuy nhiên sau đó trên đường về cả Q và H đều đã đánh rơi nên không thu hồi được H chiếc điện thoại này.

Đối với 02 con dao các bị cáo sử dụng làm hung khí để bắt anh T, sau khi thực hiện hành vi phạm tội L đem về vứt ở rìa đường gần ngõ nhà L, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Đối với hành vi Lê Huy L cho anh Hoàng Ng T vay số tiền 66.000.000đ từ tháng 02/2020, đến khoảng tháng 7/2020 L yêu cầu anh T phải trả 24.000.000đ tiền lãi. Quá trình điều tra xác định số tiền thu L bất chính dưới 30.000.000đ, mặt khác L và các bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền trên nên hành vi của L chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 11/8/2021 của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

- Căn cứ điểm c,e khoản 2 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Huy L.

- Căn cứ điểm c,e khoản 2 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Khắc Ng.

- Căn cứ điểm c,e,i khoản 2 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Đàm Lê B.

- Căn cứ điểm c,e khoản 2 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trọng H.

- Căn cứ điểm c,e khoản 2 Điều 169; điểm s,b,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

- Căn cứ điểm c,e khoản 2 Điều 169; điểm s,b,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn Q.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Huy L, Nguyễn Khắc Ng, Nguyễn Văn Th, Đàm Lê B, Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q phạm tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Huy L 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2020.

Bị cáo Nguyễn Khắc Ng 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2020.

Bị cáo Đàm Lê B 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2020.

Bị cáo Nguyễn Trọng H 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn Th 04 năm tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 26/8/2020 đến ngày 27/01/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đi thi hành án.

Bị cáo Phạm Văn Q 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2021, bị cáo Phạm Văn Q có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giảm nhẹ hình phạt, ngày 18/10/2021 bị cáo Q có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo;

Ngày 23/8/2021 bị cáo Nguyễn Văn Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 18/10/2021 bị cáo Th có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo;

Ngày 16/8/2021 bị cáo Nguyễn Khắc Ng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa đề nghị:

Căn cứ Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 BLTTHS; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Khắc Ng, Phạm văn Th, Nguyễn Văn Q, sửa Bản án sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 11/8/2021 của TAND huyện Quảng Xương:

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Huy L. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30-33 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Đàm Lê B. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 20-23 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Khắc Ng. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18-21 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trọng H. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 15-18 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s, b, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Th. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 15-18 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s, b, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn Q. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12-15 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của các bị cáo: Ngày 11/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2021 đến ngày 23/8/2021 các bị cáo có đơn kháng cáo như vậy kháng cáo của các bị cáo đang trong thời hạn kháng cáo, do đó, được Tòa án nhân dân tỉnh đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Lời khai các bị cáo Nguyễn Khắc Ng, Nguyễn Văn Th và Phạm Văn Q tại phiên tòa hôm nay và lời khai H của các bị cáo Lê Huy L, Đàm Lê B, Nguyễn Trọng H được thể hiện trong hồ sơ cũng như tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm và các lời khai của người bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ việc anh Hoàng Ngọc T có vay của Lê Huy L số tiền 66.000.000đ, do quá hạn anh T không trả nên L tính tiền lãi vay là 24.000.000đ. Tổng số tiền anh T nợ L là 90.000.000đ, L đã nhiều lần đòi nhưng anh T vẫn không trả, liên tục lờ hện và thường xuyên vắng nhà, nhiều lần đến tại gia đình anh T nhưng anh T không có ở nhà, điện thoại anh T không cầm máy, nên tối ngày 25/8/2020, Th phát hiện có anh T ở nhà nên nói với L, Ng, B “*thằng T mắt về rồi, đang ở nhà*”. Sau đó L nói với Th, Ng, B vào nhà T và bắt T phải trả nợ, L gọi thêm H, H gọi thêm Q và chuẩn bị dao tự chế đến nhà anh T vào khoảng 00 giờ 15 phút cùng ngày, L – Th – Q và H, đến cổng nhà anh T thì thấy cửa cổng khóa nên L và Th chèo qua tường vào trong sân còn Q và H đứng ngoài cổng. L và Th vào trong sân, thì L từ sân đi vào trong phòng ngủ của vợ chồng anh T và tự bật điện sáng, vợ chồng anh T giật mình thức giấc và kêu la, nghe tiếng hô la thì H từ ngoài cũng nhảy vào trong và L dùng dao tự chế yêu cầu anh T phải ra ngoài sân, ông Tấn nghe tiếng vợ anh T la nên cũng dậy, đồng thời yêu cầu ông Tấn (bố của T) mở cửa cổng. Khi L và Th đưa anh T ra cổng thì ngay lúc đó có xe ô tô của Ng vừa chạy đến, trên xe có B ngồi ở ghế phụ, sau đó Lợi, Th, Q, H đưa anh T lên xe ô tô ngồi ở ghế sau.

Th và L ngồi H bên giữ anh T còn các bị cáo khác đi xe máy. Ng điều khiển xe đi đến chợ Trời xã Quảng Văn. Tại đây, L yêu cầu anh T điện thoại về cho gia đình mang tiền đến trả nợ cho L thì mới được về. Trong thời gian giữ anh T từ 00h15' đến 4h trong ngày, L chửi bới anh T về số nợ không trả, đồng thời Ng, B, T dùng tay chân và dao gỗ đánh T nhưng không gây thương tích cho anh T và yêu cầu anh T điện thoại về nhà cho vợ và bố mẹ mang tiền đến trả cho T thì mới cho T về, cùng lúc L bảo Th đến tại nhà anh T xem gia đình có báo cáo Công an không và nếu có trả tiền thì cầm lấy. Mặc dù, anh T điện thoại về nhà nhưng gia đình vẫn không mang tiền đến đưa cho L và gia đình cũng không đưa tiền cho Th tại nhà nên Th quay lại chỗ L hẹn. Cho đến 4 giờ ngày 26/8/2020 do nghi ngờ là gia đình anh T báo cáo Công an nên L trở anh T bằng xe máy đưa anh T về gần tới nhà cách khoảng 300m thì L dừng xe và anh T xuống xe đi bộ về nhà.

Hành vi của Lê Huy L, Nguyễn Khắc Ng, Nguyễn Văn Th, Đàm Lê B, Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q sử dụng dao tự chế vào nhà anh T, sau đó dùng xe ô tô đưa anh T sang xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương và tại chợ Trời L đưa điện thoại cho anh T để anh T điện thoại về nhà bảo người thân mang tiền đến trả nợ cho L. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác với mục đích là đòi người bị hại trả nợ.

Xét thấy, số tiền anh T nợ bị cáo L tổng cả gốc và lãi là 90.000.000đ là có căn cứ, bởi lẽ theo như lời khai của anh T được thể hiện tại bút lục số 256 – 258 là anh T có vay của L số tiền 66.000.000đ, do quá hạn không trả được nên L tính lãi 24.000.000đ, quá trình điều tra, truy tố anh T đều thừa nhận và tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh T ngày 26/10/2021 anh T ghi rõ “số tiền tôi nợ L là 90.000.000đ, tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh”. Như vậy, một lần nữa HĐXX phúc thẩm khẳng định, anh T có nợ bị cáo L số tiền cả gốc và lãi là 90.000.000đ, bắt và ép anh T trả nợ cũng chỉ trong phạm vi số tiền anh T nợ bị cáo, khi các bị cáo bắt được anh T và đưa anh T rời khỏi sự kiểm soát của gia đình người thân, các bị cáo không bắt ép buộc anh T phải viết giấy nhận nợ hay bắt anh T phải nhận nợ, mặc dù khi vay H bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ngoài ra, số tiền anh T nợ thì vợ anh T và bố mẹ của anh T đều biết và có nhiều lần L đến nhà đòi nhưng không gặp anh T, điện thoại anh T không nhắc máy. Từ đó đã gây ức chế, bức xúc cho L và dẫn đến L phải lôi kéo các bị cáo khác tham gia thực hiện hành vi trái pháp luật. Do đó, các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi vi phạm của mình.

Như vậy, động cơ mục đích các bị cáo đến nhà anh T trong đêm khuya, dùng dao tự chế bắt anh T ra khỏi nhà không phải vì mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của anh T hay những người thân trong gia đình anh T (ông Tấn, bà Thành, chị Hương) cho nên việc các bị cáo bắt anh T đi ra khỏi nhà không phải để làm con tin buộc ép gia đình người thân phải mang tiền đến chuộc để chiếm đoạt tài sản, bản thân anh T khi bị các bị cáo bắt đi cũng không lo lắng, hoang mang, sợ sệt và cả ông

Tấn, bà Thành và chị Hương cũng không thể hiện đến mức độ phải hoảng loạn, mất an toàn cho bản thân anh T và thái độ của các bị cáo khi đến nhà anh T chưa đến mức quyết liệt, sau khi thấy gia đình không mang tiền đến trả thì bị cáo L tự động đưa anh T về nhà.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Bắt cóc người khác nhằm chiếm đoạt tài sản” là không chính xác, không đúng với động cơ mục đích của người phạm tội mà hành vi của các bị cáo chỉ đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 157 BLHS. Tính chất, mức độ hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” ít nghiêm trọng hơn tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử theo trình tự phúc thẩm và chuyển tội danh từ tội nặng sang tội nhẹ hơn cho các bị cáo là phù hợp với nguyên tắc có L cho bị cáo.

Căn cứ phạm vi xét xử của Tòa cấp phúc thẩm được quy định tại điều 345; Điểm b khoản 1 điều 357 BLTTHS thì Tòa cấp phúc thẩm xem xét cả những nội dung bản án không có kháng cáo, kháng nghị. Theo đó, đối với các bị cáo Lê Huy L, Đàm Lê B, Nguyễn Văn H không có kháng cáo, kháng nghị vẫn được xem xét, để áp dụng hình phạt tương xứng với tội danh mà điều luật quy định.

Trọng vụ án này, Lê Huy L là người chủ động cầm dao vào nhà anh T trực tiếp bắt anh T, tham gia đánh anh T, đưa điện thoại cho anh T gọi về nhà nên L giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Nguyễn Khắc Ng điều khiển xe đưa anh T đến địa điểm ít người qua lại, tích cực hỗ trợ L trong việc đòi nợ nên giữ vai trò sau L. Nguyễn Văn Th, Đàm Lê B, Nguyễn Trọng H là những người thực hành tích cực tham gia vào việc bắt giữ, ép anh T từ nhà lên xe ngồi giữ anh T nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án. Đối với Phạm Văn Q là người bị lôi kéo, khi tham gia chỉ đứng ở ngoài không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò sau cùng và chịu hình phạt thấp nhất.

[4] Nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Trọng H và Phạm Văn Q không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Lê Huy L, Nguyễn Khắc Ng chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm, bị cáo Đàm Lê B phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS;

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lê Huy L, Nguyễn Khắc Ng, Nguyễn Văn Th, Đàm Lê B, Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Trọng H, Phạm Văn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn Th sau khi phạm tội đã ra đầu thú, giúp cơ quan có thẩm quyền phát hiện ra tội phạm và được Cơ quan có thẩm quyền xác nhận, cung cấp thông tin cho Công an bắt được đối tượng trộm cắp tài sản, đồng thời tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo. Ngoài ra bị cáo Th đóng góp quỹ phòng chống covid-19 số tiền 2.000.000đ cho Ủy ban MTTQ xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương; ngày 12/10/2021 nhất được của rơi trả lại người đánh mất được công an xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương xác nhận. Bị cáo Phạm Văn Q giúp cơ quan có thẩm quyền phát hiện ra tội phạm và được Cơ quan có thẩm quyền xác nhận, cung cấp thông tin giúp Công an bắt giữ đối tượng đánh bạc ăn tiền, tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy bị cáo Nguyễn Văn Th và Phạm Văn Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo Th và Q có nhân thân tốt có nơi ở cư trú rõ ràng, mỗi bị cáo đều được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của BLHS nên không cần Th phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, mà cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo được hưởng án treo cho chính quyền sở tại nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ để các bị cáo cải tạo thành công dân tốt.

Đối với bị cáo H tuy có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự nhưng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ ít hơn bị cáo Th và Q. Mặt khác bị cáo đang bị tạm giam nên việc cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp. Do vậy áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Bị cáo Đàm Lê B sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Nguyễn Khắc Ng, Lê Huy L và Nguyễn Trọng H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại. Bị cáo Lê Huy L có bố và ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân huy chương. Bị cáo Nguyễn Khắc Ng có bố mẹ tham gia kháng chiến và là người có công với cách mạng. Vì vậy bị cáo Đàm Lê B, Nguyễn Khắc Ng, Lê Huy L và Nguyễn Trọng H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Vụ án được xét xử chuyển tội danh từ tội nặng sang tội nhẹ hơn như đã được đánh giá ở trên phù hợp với việc xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận, đối với bị cáo xin được hưởng án treo cũng thỏa mãn với các điều kiện mà pháp luật đã quy định, do đó kháng cáo bổ sung của bị cáo Th và bị cáo Q được chấp nhận theo như đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Thanh hóa là phù hợp.

Các quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo án sơ thẩm áp dụng, đảm bảo đúng pháp luật nên giữ nguyên và có hiệu lực thi hành từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 345, Điểm b khoản 1 điều 355; Điểm b khoản 1, Khoản 3 Điều 357 BLTTHS:

Sửa bản án sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 11/8/2021 của TAND huyện Quảng Xương về tội danh và hình phạt:

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Lê Huy L 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2020.

Xử phạt: Bị cáo Đàm Lê B 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khắc Ng 18 (mười tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2020.

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng H 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2020.

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 157; điểm s, b, i, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 12 (mười H) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách 24 (H bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho UBND xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Phạm Văn Q cho UBND xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Các quyết định về xử lý vật chứng, án phí HSST giữ nguyên như án sơ thẩm và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. **Án phí phúc thẩm:** Bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P7)
- VKSND huyện Quảng Xương
- TAND huyện Quảng Xương
- Công an huyện Quảng Xương
- THADS huyện Quảng Xương
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Sáu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

Lê Thanh Hùng

Lê Thị Sáu